

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 114/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09 - 12 - 2022  
V/v ly hôn giữa chị H và anh S

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Hải Anh

Bà Phạm Thị Xuyên

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Hằng-Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân S thụ lý số: 155/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 giữa các đương S:

**- Nguyên đơn:** Chị Triệu Thị H, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đồi, xã N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 9 năm 2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn S tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn ngày 02/2/2017 tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chung không hạnh phúc, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hiểu nhau, công việc mỗi người một nơi dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, từ tháng 5 năm 2021 vợ chồng chị đã sống ly thân không tìm nhau đoàn tụ lại. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn S

Về con chung: Giữa chị và anh S có 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 30/8/2017 đang ở với chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Hiện nay chị đang làm giáo viên tại trường PTTH cơ sở Hà Châu, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên có công việc và thu nhập ổn định. Để đảm bảo cuộc sống tốt cho con nên chị yêu cầu anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án đối với bà Vũ Thị H (mẹ đẻ của anh S) thể hiện: Anh Nguyễn Văn S có đăng ký kết hôn với chị Triệu Thị H trên Thái Nguyên, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Q hiện đang ở với chị H. Anh S vẫn có hộ khẩu thường trú tại: Thôn Cổ Chử, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định, nhưng anh S đi làm thường xuyên vắng nhà, bà luôn mong muốn vợ chồng anh S hòa thuận đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng anh chị không nghe. Nay chị H làm đơn xin ly hôn anh S với nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào bà không nắm được, đây chuyện riêng của anh S nên bà không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân S; những người tham gia tố tụng: Phía nguyên đơn đã thực hiện đúng; phía bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

*Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:*

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn S.

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao chị Triệu Thị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 30/8/2017. Anh S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân S; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định;

- Về quyền kháng cáo: Đương S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Triệu Thị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân S nên được chấp nhận. Anh Nguyễn Văn S đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ. Tại phiên tòa lần thứ 2 anh S vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân S, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn S tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Tiến, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 02/02/2017, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, công việc mỗi người một nơi dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn. Anh Nguyễn Văn S biết việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H với anh, nhưng anh không đến Tòa án làm việc, cũng không có văn bản trình bày quan điểm về yêu cầu khởi kiện của chị H.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh S không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Văn S của chị Triệu Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 30/8/2017, hiện đang ở với chị H.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương S, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án anh S vắng mặt không có ý kiến gì về việc nuôi con chung; chị H có nguyện vọng tiếp tục, trực tiếp nuôi con chung, chị yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị theo quy định của pháp luật. Xét nguyện vọng và đề nghị của chị H là có căn cứ, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là Nguyễn Đức Q cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.800.000 đồng/tháng kể từ tháng xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết, anh S không có ý kiến gì nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân S; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Triệu Thị H và anh Nguyễn Văn S.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 30/8/2017 cho chị Triệu Thị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn S phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H nuôi con là 1.800.000 đồng (một triệu, tám trăm nghìn đồng) 01 tháng kể từ tháng 12/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi có khả năng lao động tự lập được.

Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai số 0004737, ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân S huyện N, tỉnh Nam Định.

Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương S;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Nam Tiến, Tp Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu HS.

**Nguyễn Thị Ánh**

|                                             |                                      |
|---------------------------------------------|--------------------------------------|
| <b>CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN</b>                | <b>THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</b> |
| <b>Trần Thị Hải Anh      Phạm Thị Xuyên</b> | <b>Nguyễn Thị Ánh</b>                |